

Bản án số: 33/2019/DS-PT

Ngày: 27 - 02 - 2019

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Út

**Các Thẩm phán:** Ông Nguyễn Thành Lập

Ông Hồ Minh Tấn

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Huỳnh Văn Đoan – Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Răng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 180/2018/TLPT- DS ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 248/2018/QĐPT-DS ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1949 (Có mặt).

Cư trú tại: Khóm 3, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:** Luật sư Trần Đức Tiến - Văn phòng luật sư Huỳnh Công Dung thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

**Bị đơn:**

1. Bà Trần Thị B, sinh năm 1965 (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1964 (Có mặt).

Cùng cư trú tại: khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh C .. Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Văn N2, sinh năm 1940 (Có mặt).

2. Bà Bùi Thị V2 1954, sinh năm 1954 (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh C ..

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị V2:* Ông Nguyễn Văn N2, theo văn bản ủy quyền ngày 20/9/2017.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Cà M.

Địa chỉ: số 77, đường N, khóm 1, phường 9, thành phố C, tỉnh C ..

*Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố Cà M:* Ông Lê Thanh Danh – Phó trưởng phòng tài nguyên môi trường thành phố Cà Mau là đại diện, theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018 (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị N1 – Là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N1 trình bày:*

Vào khoảng năm 2004, cha mẹ bà là ông Nguyễn Văn Đạm và bà Trương Thị Hai có cho bà 03 công đất, tọa lạc tại khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh C .. Khi cho đất có làm thủ tục theo luật định, đến ngày 19/01/2005 bà được Ủy ban nhân dân thành phố Cà M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất số 907, tờ bản đồ số 05, với diện tích 3.984 m<sup>2</sup>. Vào năm 2007 bà có tạm thời hoán đổi với cha mẹ bà 02 công đất trong tổng số 03 công đất được cho để cha bà cho thuê nuôi cá có thêm tiền trang trải, bà nhận lại 02 công đất từ ông Đạm cùng 01 dây đất nhưng khác vị trí. Việc hoán đổi chỉ nói miệng không làm giấy tờ. Ông Đạm cho ông D và bà B thuê với giá bao nhiêu bà không biết. Đối với 01 công đất còn lại sau khi trừ 02 công đã hoán đổi với ông Đạm, bà cũng cho ông D và bà B thuê vào năm 2007, đến năm 2012 ông D và bà B đã trả lại phần này cho bà. Năm 2013 ông Đạm chết, bà tiếp tục giữ việc hoán đổi đất để mẹ bà cho thuê lấy tiền trang trải. Sau đó anh của bà là ông Nguyễn Văn N2 bán 02 công đất này cho ông D và bà B. Việc ông N2 bán đất cho ông D và bà B bà không biết, kể cả việc ông D và bà B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà cũng không biết. Đến năm 2016 khi có tranh chấp ranh đất bà mới biết sự việc này. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông D và bà B trả lại đất cho bà nhưng ông D và bà B không đồng ý.

Nay bà Nguyễn Thị N1 yêu cầu ông D và bà B trả lại phần đất có diện tích 2.376 m<sup>2</sup>, tọa lạc tại khóm 2, phường Tân Thành, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau, đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 964629, thửa đất số 907, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.376 m<sup>2</sup>, được UBND thành phố Cà Mau cấp cho Nguyễn Văn D và Trần Thị B vào ngày 04/11/2009, ngoài ra bà không còn yêu cầu nào khác.

*Bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:* Ngày 04/4/2007 âm lịch, ông có đến nhà ông Nguyễn Văn Đạm để thuê đất nông nghiệp đào ao nuôi cá. Ông Đạm có nói ông chỉ có 02 công đất, nếu ông D muốn thuê thêm thì để ông hỏi bà N1 cho ông thuê thêm 01 công đất liền kề. Sau đó ông Đạm làm giấy tay cho vợ chồng ông

thuê 03 công đất, với giá 1.000.000đ/công/năm, thời hạn thuê 05 năm.

Khoảng tháng 9/2009, ông Nguyễn Văn N2 là con trai ông Đạm đến gặp ông hỏi có sang đất đang thuê không, vì đất ông đang thuê ông Đạm đã chuyển quyền sử dụng cho ông N2. Ông N2 có cho ông xem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì thấy đất đứng tên ông N2 đúng vị trí ông thuê nhưng với diện tích 2.376 m<sup>2</sup>, không đủ 02 công tầm lớn. Ông N2 có kêu ông đến gặp bà N1 để hỏi thêm cho đủ 02 công tầm lớn. Ông đến gặp bà N1 thì bà N1 nói Giấy chủ quyền bao nhiêu thì sang bao nhiêu bà không cho lấy thêm. Cùng năm 2009, vợ chồng ông và ông N2 làm hợp đồng chuyển nhượng 2.376 m<sup>2</sup> đất mà vợ chồng ông đang thuê của ông Đạm, còn 01 công vợ chồng ông thuê của bà N1 thì bà N1 cho ông thuê thêm 01 năm nữa, nhưng sau đó bà N1 lấy lại đất khi chưa mãn thời gian thỏa thuận ban đầu. Năm 2010 khi bà N1 lấy lại đất, bà N1 có đo phần 01 công của bà N1 và lấy trụ đá cắm, trụ đá hiện nay vẫn còn. Vợ chồng ông đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng và cũng đã được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 964629, vào năm 2009, thửa số 907, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.376 m<sup>2</sup>. Sau khi nhận chuyển nhượng vợ chồng ông có trồng cây ăn trái và đến năm 2011 có cất 01 căn nhà nhỏ để coi ao cá, kết cấu cột bê tông, đòn tay dầm, lợp tít lô, vách lá. Đầu năm 2017, bà N1 có đến nhà ông để hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông để phô tô. Đồng thời bà N1 cũng kêu ông viết giấy hoán đổi đất, vợ chồng ông sẽ lấy 02 công đất mà bà N1 đang canh tác từ trước đến nay, còn bà N1 sẽ lấy 02 công đất mà ông đã nhận chuyển nhượng từ ông N2, nhưng vợ chồng ông không đồng ý viết giấy hoán đổi đất, chỉ cho mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để phô tô nên từ đó bà N1 đi khởi kiện ông. Nay vợ chồng ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

*Bị đơn bà Trần Thị B trình bày:* Bà thông nhất với lời trình bày của chồng bà là ông D, ngoài ra bà không có ý kiến gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N2 trình bày :* Vào thời gian nào ông không nhớ rõ nhưng trước năm 2007, cha mẹ ông là ông Đạm và bà Hai có cho bà Nguyễn Thị N1 03 công đất, tọa lạc khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau nhưng vị trí không phải vị trí đất đang tranh chấp.

Năm 2002, ông về sống chung nuôi cha mẹ ở khóm 3, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 10/12/2007, ông được cha mẹ cho đất, trong đó có thửa đất số 907, diện tích 2.376 m<sup>2</sup>, đất tọa lạc khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau, thể hiện bằng Đơn xin xác nhận ngày 10/12/2007, được UBND phường Tân Thành xác nhận ngày 11/12/2007 và ông cũng được UBND thành phố Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/02/2008. Khi ông Đạm và bà Hai cho đất ông, tất cả anh em trong nhà đều biết, bà N1 cũng biết. Khi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan có chức năng có xuống đo đạc. Năm 2009, vợ chồng ông chuyển nhượng thửa đất số 907, diện tích 2.376m<sup>2</sup> cho ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị B. Nay ông xác định giữa bà N1 và ông Đạm cũng không có sự việc hoán đổi đất, và ông đã chuyển nhượng hợp pháp cho ông D và bà B nên ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

*Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau đã tuyên xử:*

Căn cứ Điều 9 Luật đất đai năm 2003; Điều 100, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 146 Nghị định số: 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của chính phủ về thi hành luật đất đai; Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị B hoàn trả phần diện tích đất trồng lúa 2.376m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 2, xã Tân thành, thành phố Cà Mau ( nay là khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N1 về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố Cà M cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị B đối với phần diện tích đất trồng lúa 2.376m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau ( nay là khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau ).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 13/8/2018 bà Nguyễn Thị N1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm với nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1, buộc ông D – bà B phải hoàn trả diện tích trồng lúa 2.376m<sup>2</sup>; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D – bà B.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Bà Nguyễn Thị N1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

*Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N1:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm với nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1, buộc ông D, bà B phải hoàn trả diện tích trồng lúa theo đo đạc là 2.376m<sup>2</sup>; Hủy

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông D, bà B. Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Ông Nguyễn Văn Đạm, bà Trương Thị Hai (đều đã chết) là cha mẹ của bà N1, ông N2. Năm 2002 ông Đạm, bà Hai được cấp Giấy CNQSDĐ (đứng tên hộ ông Đạm, bà Hai) với diện tích  $3.984m^2$  (loại đất trồng lúa giáp kênh lô II, tọa lạc tại khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh C.). Năm 2005 ông Đạm, bà Hai chuyển quyền sử dụng đất (chuyển nhượng) cho bà N1 cũng chính phần đất nêu trên. Năm 2008, ông Đạm, bà Hai tặng cho ông N2, bà V2 một phần trong diện tích đất đã tặng cho ông N2, bà V2 có chồng lần lên một phần đất mà vợ chồng ông Đạm đã chuyển quyền cho bà N1, với diện tích là  $2.376m^2/3.984m^2$  (đất cấp cho ông N2, bà V2 có số *thửa mới là 907*, các cạnh khác giáp thửa 445,527 đều giữ nguyên như Giấy CNQSDĐ đã cấp cho bà N1; đối với phần giáp kênh lô II, thì Giấy CNQSDĐ của ông N2, bà V2 lại nhầm lẫn ghi là lô III) (Bút lục số: 66). Năm 2009 ông N2, bà V2 chuyển nhượng toàn bộ phần đất có diện tích  $2.376m^2$  nêu trên cho ông D, bà B, ông bà đã được cấp Giấy CNQSDĐ (Bút lục số: 144) và sử dụng đất cho đến nay. Diện tích đất tranh chấp theo đo đạc thực tế theo bản vẽ ngày 6/6/2018 là  $2.261,6m^2$  (ông D, bà B đang sử dụng), diện tích đất liền kề bà N1 sử dụng là  $4.041,9m^2$ .

[3] Vấn đề đặt ra là vì sao vợ chồng ông Đạm đã chuyển quyền sử dụng đất cho bà N1 diện tích  $3.984m^2$  (bà N1 đã được cấp Giấy CNQSDĐ năm 2005), nhưng đến năm 2008 ông Đạm dùng quyền sử dụng đất ông Đạm đứng tên năm 1996 để tiếp tục tặng cho ông N2, bà V2 diện tích  $2.376m^2$ , chồng lên một phần diện tích đã cấp cho bà N1 với diện tích là  $2.376m^2/3.984m^2$ . Theo Giấy CNQSDĐ đứng tên ông Nguyễn Văn Đạm được Ủy ban nhân dân thị xã Cà Mau cấp ngày 20/8/1996, có 03 thửa, tổng diện tích  $11.220m^2$ , đối với thửa số 731, tờ bản đồ số 03 có diện tích  $2.600m^2$ . Vào năm 2002, ông Đạm, bà Hai xin cấp Giấy CNQSDĐ diện tích  $3.984m^2$  (thửa mới 907, tờ bản đồ số 05) thì có cắt một phần đất thuộc thửa 731, tờ bản đồ số 03 có diện tích  $2.600m^2$  nêu trên nhập vào thửa mới 907 tăng diện tích (từ  $2.600m^2$  lên  $3.984m^2$ ), nhưng trong Giấy CNQSDĐ năm 1996 (bản gốc ông N2 còn giữ) lại không ghi biến động đã cắt thửa số 731 nhập qua thửa 907, (*dẫn đến Giấy CNQSDĐ năm 1996 của ông Đạm vẫn còn tồn tại diện tích đất tại thửa số 731*). Vì vậy, khi ông Đạm chuyển quyền cho bà N1 xong, do diện tích thửa số 731 trên Giấy CNQSDĐ năm 1996 của ông Đạm vẫn còn tồn tại, nên ông Đạm lại tiếp tục dùng thửa 731 này cắt tặng cho ông N2, bà V2 vào năm 2008 (diện tích cấp cho ông N2, bà V2 theo đo đạc thời điểm cấp Giấy CNQSDĐ là  $2.376m^2$ ), có chồng lên đất của bà N1 như đã nêu, với diện tích  $2.376m^2/3.984m^2$ .

[4] Xét quá trình sử dụng phần đất tranh chấp. Vào năm 2007 ông Đạm, bà Hai có kê bà N1 bà hoán đổi với ông Đạm, bà Hai như sau: Bà N1 nhận 02 công đất tầm lớn cặp ranh liền kề (đất ông Đạm, bà Hai chuyển quyền sử dụng đất cho bà N1); ông Đạm, bà Hai lấy lại 02 công đất (trong tổng số  $3.984m^2$ ) đã chuyển quyền cho bà N1 để cho ông D, bà B thuê và vợ chồng ông Đạm lấy tiền. Phần 01 công đất còn lại, ông D, bà B cũng thỏa thuận thuê luôn của bà N1 (giá 01 công là 1.000.000 đồng/năm, thuê năm 2007 đến 2010). Tiền thuê 02 công ông Đạm, bà

Hai lấy; tiền thuê 01 công bà N1 lấy (việc này bà N1, ông D đều thừa nhận). Tuy nhiên, bà N1 cho rằng việc đổi đất là đổi tạm (không tục giấy tờ gì). Việc hoán đổi đất, sử dụng đất như đã nêu, hiện nay bà N1 vẫn sử dụng phần đất nhận hoán đổi hơn 03 công tầm lớn (thực tế sử dụng là 4.041,9m<sup>2</sup>). Mặc dù, bà N1 chưa được cấp Giấy CNQSDĐ phần đất nhận đổi của ông Đạm, nhưng Bản đồ quy hoạch khu D cửa ngõ Đông Bắc thành phố Cà Mau đã ghi nhận vị trí phần đất bà N1 sử dụng (nhận đổi) đứng tên bà N1 (Bút lục số: 351). Đồng thời, khi hoán đổi bà N1 cũng đã có cặm trụ đá để tách bạch ranh giới (hiện trụ đá vẫn còn). Khi ông D, bà B sử dụng đất nhận chuyển quyền sử dụng đất của vợ chồng ông N2, vợ chồng ông D đã cải tạo đất, đào nhiều ao, trồng cây lâu năm, cất 02 lần nhà trên đất để phục vụ cho việc canh tác đất. Và từ khi nhận đổi đất, bà N1 cũng chối bỏ quyền canh tác, sử dụng đất đối với phần đất đã đổi cho ông Đạm, bà Hai (để vợ chồng ông Đạm tự đứng ra cho vợ chồng ông D thuê và nhận tiền) và bà N1 nhận phần đất đã đổi canh tác cho đến nay. Điều này có căn cứ xác định bà N1 nhận đổi đất là đổi hẳn, chứ không phải đổi tạm.

[5] Xét tính hợp pháp của việc cấp Giấy CNQSDĐ cho ông N2, bà V2 diện tích 2.376m<sup>2</sup> vào năm 2009 sau đó chuyển nhượng cho ông D, bà B, thì phía Ủy ban nhân dân thành phố Cà M xác định là có chồng lấn một phần lên phần đất đã cấp cho bà N1 (diện tích 2.376m<sup>2</sup>/3.984m<sup>2</sup>), như đã nêu trên. Tuy nhiên, như đã nhận định mặc dù việc hoán đổi đất không có thủ tục, nhưng thực tế việc hoán đổi từ năm 2009 đến nay, bà N1 nhận đất hoán đổi đất sử dụng ổn định, liên tục. Bản án sơ thẩm xác định việc hoán đổi đất giữa ông Đạm, bà Hai cho bà N1 là thực tế có xảy ra là phù hợp, và thực tế bà N1 sử dụng đất ổn định nhiều năm không có tranh chấp. Bà N1 sử dụng đất với diện tích tổng cộng là 4.041,9m<sup>2</sup> là nhiều hơn diện tích bà N1 được cấp Giấy CNQSDĐ là 57,9m<sup>2</sup> (3.984m<sup>2</sup>/4.041,9m<sup>2</sup>) điều này có lợi cho bà N1, cho nên việc bà N1 tiếp tục đòi ông D, bà B trả lại 2.376m<sup>2</sup> là không phù hợp, nên không được chấp nhận. Đồng thời, việc cấp Giấy CNQSDĐ của ông N2 có chồng lấn một phần lên đất bà N1. Song, việc ông Đạm, bà Hai hoán đổi đất cho bà N1 là có xảy ra, bà N1 cũng đang canh tác đất nhận hoán đổi nhiều năm không có tranh chấp, thì việc hủy Giấy CNQSDĐ của ông D, bà B là không cần thiết.

[6] Theo hồ sơ cấp Giấy CNQSDĐ cho bà N1 đối với phần diện tích đất 3.984m<sup>2</sup> được sao lục tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Cà Mau cho thấy về trình tự, thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ là chưa đúng theo quy định, bởi lẽ tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đạm chuyển nhượng cho bà N1 không thể hiện giá tiền chuyển nhượng và không có chữ ký của các thành viên trong gia đình của ông Đạm, bà Hai (vì Giấy CNQSDĐ cấp cho ông Đạm, bà Hai là cấp cho hộ). Điều đó cho thấy việc cấp Giấy CNQSDĐ cho bà N1 đã thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 146 Nghị định số: 181/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai năm 2003, thì khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cần được tất cả các thành viên có đủ năng lực hành vi dân sự trong gia đình thống nhất và ký tên hoặc có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự. Bản án sơ thẩm nhận định kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố Cà M cần chấn chỉnh việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng trong thời gian tới cho đúng với quy định của

pháp luật là phù hợp.

[7] Từ phân tích trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp. Vì vậy, bà Nguyễn Thị N1 phải chịu chi phí tố tụng sơ thẩm 9.700.000 đồng (do ông D, bà B đã nộp, nên bà N1 có nghĩa vụ hoàn lại cho ông D, bà B). Chi phí xem xét thẩm định phúc thẩm 500.000 đồng bà N1 phải chịu (bà N1 đã nộp xong). Về án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Do bà N1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được xét miễn toàn bộ theo quy định Điều 12, 14 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bà N1 đã dự nộp án phí sơ thẩm với số tiền 4.158.000đ theo lai thu số 0003514; dự nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0001176 ngày 13/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

[8] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp.

[9] Những phần còn lại không kháng cáo kháng nghị, có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị N1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 90/2018/DS-ST ngày 31 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

*Tuyên xử:*

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị B hoàn trả phần diện tích đất trồng lúa 2.376m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 2, xã Tân thành, thành phố Cà Mau (nay là khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau). (*Kèm theo bản vẽ ngày 6.6.2018, Bút lục số 178*).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị N1 về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân thành phố Cà M cấp cho ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị B đối với phần diện tích đất trồng lúa 2.376m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 2, xã Tân Thành, thành phố Cà Mau (nay là khóm 2, phường Tân Thành, thành phố Cà Mau).

3. Về chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị N1 phải chịu 10.200.000 đồng (đã nộp xong 500.000 đồng), còn lại 9.700.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị N1 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị B số tiền chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ tổng số là 9.700.000 (*chín triệu bảy trăm nghìn đồng*).

*Kể từ ngày ông Nguyễn Văn D và bà Trần Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị N1 không thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.*

4. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N1. Ngày 08/8/2017 bà N1 đã dự nộp án phí sơ thẩm với số tiền 4.158.000đ tại lai thu số 0003514; dự nộp án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai số 0001176 ngày 13/8/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

*Nơi nhận:*

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân TP. Cà Mau;
- Chi Cục thi hành án dân sự Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Văn Út**